



**Thông số Kỹ thuật – xây  
dựng Thang tải hàng**

**Freight Lift technique -  
Construction Details**

# FREIGHT ELEVATOR

Tư Vấn Các Giải Pháp Tối Ưu Nhất Cho Việc Nâng Chuyển Hàng Hóa



## Freight Elevator

|                  |                                 |
|------------------|---------------------------------|
| <b>Ceiling:</b>  | Direct lighting                 |
| <b>Wall:</b>     | HL.st.st / powder coating steel |
| <b>Car Door:</b> | HL.st.st / powder coating steel |
| <b>COP:</b>      | As sample                       |
| <b>Handrail:</b> | Wooden / steel Bumper           |
| <b>Floor:</b>    | Ribbing steel                   |

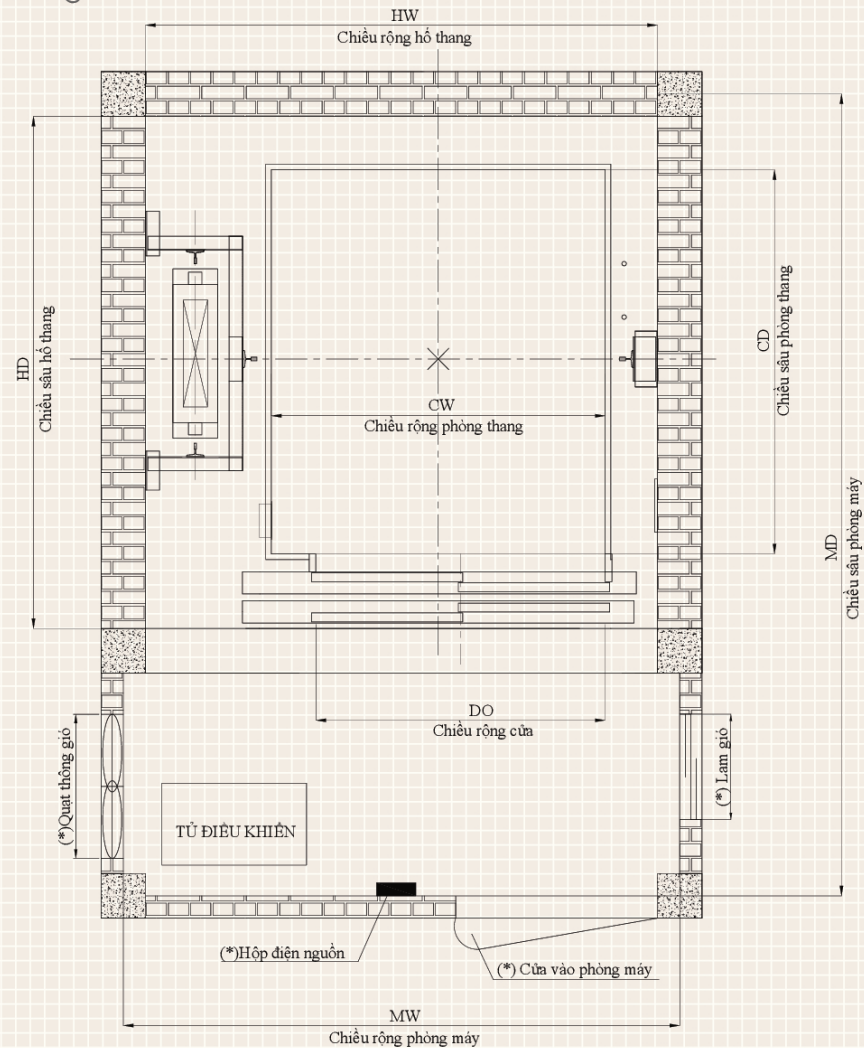
## Thang tải hàng

|                         |                                        |
|-------------------------|----------------------------------------|
| <b>Trần:</b>            | Chiếu sáng trực tiếp                   |
| <b>Vách:</b>            | Inox sọc / sơn tĩnh điện               |
| <b>Cửa:</b>             | Inox sọc / sơn tĩnh điện               |
| <b>Bảng điều khiển:</b> | Theo mẫu                               |
| <b>Tay vịn:</b>         | Thanh gỗ chống va/ khung thép chống va |
| <b>Sàn:</b>             | Thép tấm cơ gân chống trượt            |

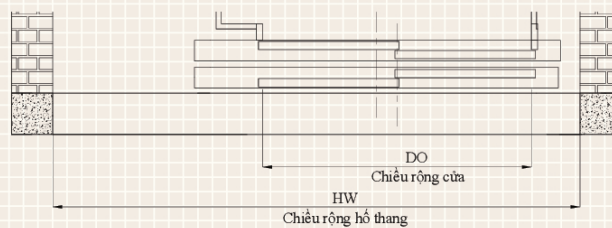


# Freight Elevator

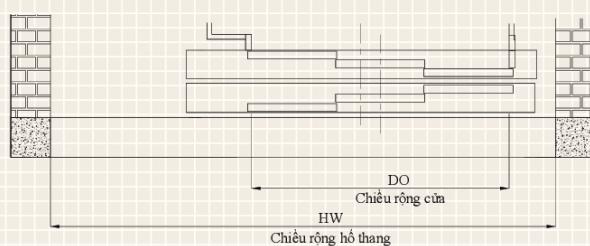
## Thang Tải Hàng



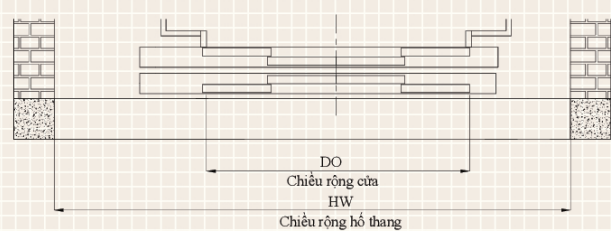
2SO Type Section / Mặt Cắt Ngang Hồ Thang Cửa 2SO



2SO Type / Kiểu Cửa 2SO



3SO Type / Kiểu Cửa 3SO



4CO Type / Kiểu Cửa 4CO

# Freight Elevator Specification

## Bảng Thông Số Kích Thước Hố Thang Tải Hàng

| CAPACITY / TẢI TRỌNG | CABIN / PHÒNG THANG |      |                  | LIFT SHAFT / HỐ THANG |      | MACHINE ROOM / PHÒNG MÁY |      |
|----------------------|---------------------|------|------------------|-----------------------|------|--------------------------|------|
| Tải trọng            | Rộng                | Sâu  | Chiều rộng cửa   | Rộng                  | Sâu  | Rộng                     | Sâu  |
| Kg                   | CW                  | CD   | OP               | HW                    | HD   | MW                       | MD   |
| 750                  | 1200                | 1550 | 2SO (4CO) - 1100 | 2000                  | 2100 | 2000                     | 3300 |
| 1000                 | 1400                | 1700 | 2SO (4CO) - 1200 | 2100                  | 2200 | 2100                     | 3400 |
| 1350                 | 1500                | 2000 | 2SO (4CO) - 1200 | 2200                  | 2500 | 2200                     | 3700 |
| 1500                 | 1700                | 2000 | 2SO (4CO) - 1400 | 2500                  | 2500 | 2500                     | 3700 |
|                      |                     |      | 3SO - 1600       | 2600                  | 2600 | 2600                     | 3800 |
| 2000                 | 1800                | 2300 | 2SO (4CO) - 1500 | 2700                  | 2800 | 2700                     | 4000 |
|                      |                     |      | 3SO - 1700       | 2800                  | 2900 | 2800                     |      |
| 2500                 | 2000                | 2500 | 2SO (4CO) - 1700 | 3000                  | 3000 | 3000                     | 4200 |
|                      |                     |      | 3SO - 1900       | 3100                  | 3100 | 3100                     |      |
| 3000                 | 2000                | 2900 | 2SO (4CO) - 1700 | 3000                  | 3400 | 3000                     | 4700 |
|                      |                     |      | 3SO - 1900       | 3100                  | 3500 | 3100                     |      |
| 5000                 | 2500                | 3500 | 2SO (4CO) - 2100 | 3700                  | 4000 | 3700                     | 4300 |
|                      |                     |      | 3SO - 2400       |                       | 4100 |                          |      |

## OH, PIT & Machine Room Height / Oh, Pit Và Chiều Cao Phòng Máy

| Tải Trọng   | OH   | PIT  | Chiều cao phòng máy (MH) |
|-------------|------|------|--------------------------|
| Load        | mm   | mm   | mm                       |
| 400 - 1350  | 4200 | 1500 | 2200                     |
| 1500 - 2500 | 4400 | 1700 |                          |
| 3000        | 4500 | 1800 | 2400                     |
| 5000        | 4700 | 2000 |                          |

### NOTE:

- Dimensions of lift shaft CW, CD, HW, HD are on mm.
- (\*): By others.
- 4 Co Door Type or any other option, please contact us for further information.

### GHI CHÚ:

- Các thông số hố thang CW, CD, HW, HD là mm và là kích thước min.
- (\*): Khách hàng thực hiện.
- Kiểu cửa 4 cánh mở trung tâm & đặc biệt khác, xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi để được tư vấn cụ thể.



\*Lưu ý: Các thông tin trên là thông số tiêu chuẩn để tham khảo. Nên nếu như kích thước hố đã xây không theo tiêu chuẩn, hãy liên hệ ngay với chúng tôi qua số điện thoại: **0913.912.094** hoặc e-mail: **[sales@dongduongelevator.com](mailto:sales@dongduongelevator.com)** để được tư vấn thêm.

Trân trọng.

\*Caution: The information above is Standard Parameter for reference. If the hoistway dimension at construction site does not follow those details, please contact us via: **0913.912.094** or e-mail: **[sales@dongduongelevator.com](mailto:sales@dongduongelevator.com)** for further consulting.

Sincerely.

